| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **519/2026**/QĐST-HNGĐ | *Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số506/2026/HNGĐST ngày 13/04/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn " giữa:

**Người yêu cầu:**

+ **Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1991.** Căn cước công dân số 001091001018 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 29/04/2021. Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Căn hộ chung cư số C, tòa S, khu chưng cư cao tầng Capitaland – H, phường Đ, thành phố Hà Nội.

+ **Chị Bùi Huyền M, sinh năm 1992.** Căn cước công dân số 001192001963 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2021. Nơi thường trú và nơi ở hiện nay:Căn hộ chung cư số C, tòa S, khu chưng cư cao tầng Capitaland – H, phường Đ, thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Huyền M và anh Nguyễn Đăng T có đăng ký kết hôn vào ngày ngày 24/09/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại

UBND phường N, quận T, Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) *(Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2016, ngày 24/09/2016)*. Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, lý do: bất đồng trong quan niệm sống về cách sống. Anh chị không thể chia sẻ và đồng cảm với nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay anh chị đều nhận thấy tình cảm không còn, anh chị đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

[2] Xét đơn yêu cầu và các thỏa thuận khác của các đương sự:

- Về con chung: Anh T1 và chị M có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 01/01/2017 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 05/03/2019. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu K1 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1, chị M thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ (chung, riêng): Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Tuấn chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[3] Xét Chị Bùi Huyền M và anh Nguyễn Đăng T thật sự tự nguyện ly hôn và cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vay nợ chung.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 13/04/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của  không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Huyền M và anh Nguyễn Đăng T

- Về con chung: Anh T1 và chị M có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh

ngày 01/01/2017 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 05/03/2019. Giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu K1 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Anh T1 và chị M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1, chị M không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào cho đến khi một trong các bên có đơn yêu cầu hoặc có quyết định khác.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ (chung, riêng): Anh T1 và chị M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đăng T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai số BLTU/26E 0009024 ngày 13/04/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực4 – Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;- VKSND khu vực 4 – Hà Nội;*
*- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội;*
*- UBND phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2016, ngày 24/09/2016).*
*- Lưu HS, VP.*

**THẨM PHÁN**

**Phan Thị Kim Thanh**